|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt Đề án Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe Nhân dân ngày 30/6/1989;*

*Căn cứ Luật Dược ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng Nhân dân tỉnh;ý kiến của Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1**. Phê duyệt Đề án Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến 2030 với những nội dung chính sau:

1. Mục tiêu chung:

**-** Nâng cao sức khỏe người dân cả về thể chất, tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và tàn tật do bệnh, dịch bệnh. Xây dựng hệ thống y tế phát triển đồng bộ, công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Quan tâm việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, người yếu thế trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên phát triển một số trung tâm chuyên sâu chất lượng cao, bệnh viện chuyên khoa. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

- Định hướng mục tiêu đến 2030: Hoàn thiện hệ thống y tế của tỉnh, bảo đảm tính hệ thống, tính liên tục, thống nhất trong toàn hệ thống y tế. Phát triển hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, giữa tuyến tỉnh và cơ sở; chú trọng phát triển chuyên sâu, phát triển y tế phổ cập có chất lượng. Kết hợp giữa phát triển y học hiện đại và y học cổ truyền, giữa dự phòng với điều trị, giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, hài hòa giữa các vùng miền, chú trọng phát triển ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

**2. Mục tiêu cụ thể**

2.1 Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và sắp xếp tinh gọn hệ thống y tế. Đầu tư nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế. Phát triển hệ thống y tế gắn với quy hoạch phát triển chung của tỉnh. Hoàn thành đúng tiến độ các công trình y tế theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; các công trình thuộc Chương trình phục hồi kinh tế, Chương trình mục tiêu quốc gia của ngành y tế... Đẩy mạnh đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn nhất là đội ngũ bác sỹ, kỹ thuật viên.

2.2 Nâng cao năng lực, hiệu quả kiểm soát dịch, bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; khống chế kịp thời các bệnh truyền nhiễm, các bệnh gây dịch nguy hiểm mới nổi, không để dịch xảy ra trên diện rộng. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và tàn tật tại cộng đồng do các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm. Tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.3 Cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng; tăng cường tự chủ tài chính; hình thành và phát triển mạnh các trung tâm chuyên sâu trong Bệnh viện Đa khoa tỉnh và bệnh viện từ hạng II trở lên. Đổi mới, phát triển một số Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh trên cơ sở các bệnh viện hiện có. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, kết hợp công - tư trong công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân;

2.4 Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bổ, chất lượng dân số trong tình hình mới.

2.5 Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vắc-xin, vật tư, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu tại các tuyến đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh và phục hồi chức năng. Quản lý, sử dụng thuốc và trang thiết bị y tế hợp lý, an toàn, hiệu quả. Đảm bảo công khai, minh bạch trong mua sắm, đấu thầu thuốc, trang thiết bị và vật tư y tế. Duy trì và mở rộng các cơ sở điều trị, cơ sở cấp phát thuốc cho các đối tượng nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone, đảm bảo thuận lợi và giảm tỷ lệ bỏ điều trị.

2.6 Củng cố, xây dựng hoàn thiện mạng lưới thông tin y tế, y tế thông minh trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Các chỉ tiêu chuyên môn cơ bản (Theo phụ lục số 01 đính kèm)

**Điều 2**: Nhiệm vụ và giải pháp

1. Công tác quản lý nhà nước

- Điều hành quản lý nhà nước về y tế bằng pháp luật đi đôi với tăng cường truyền thông các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Triển khai thực hiện tốt công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

- Xây dựng và triển khai thực hiện tốt các chương trình, đề án về y tế, dân số, công nghệ thông tin.

- Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở hành nghề y, dược; quản lý chặt chẽ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền hành nghề tại gia đình.

2. Củng cố tổ chức và phát triển hệ thống y tế

2.1. Y tế tuyến tỉnh

**-** Tiếp tục đầu tư, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện vận chuyển cấp cứu, xây dựng Khoa cấp cứu, hồi sức, tăng quy mô giường bệnh, nâng hạng Bệnh viện chuyên khoa, đa khoa theo lộ trình; xây dựng mới Bệnh viện Y học cổ truyền; tách Trung tâm Y tế Vĩnh Linh, Trung tâm Y tế Hướng Hóa thành các Bệnh viện Khu vực hạng II thuộc tuyến tỉnh.

- Duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi cục, Trung tâm tuyến tỉnh; đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; tăng cường đào tạo nhân lực, đầu tư trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

2.2. Y tế tuyến huyện

Ổn định mạng lưới hoạt động của 10 Trung tâm y tế tuyến huyện; xây dựng hoàn thiện Khoa cấp cứu, hồi sức, Khoa y học cổ truyền; xem xét mở rộng quy mô sau năm 2025; thực hiện tốt các danh mục kỹ thuật của tuyến huyện; triển khai kỹ thuật mới để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân; củng cố, nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, truyền thông giáo dục sức khỏe; phát huy tốt vai trò của mạng lưới y tế trong công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Khuyến khích thực hiện tự chủ tài chính.

2.3. Y tế tuyến xã

*-* Tập trung triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 21/2019/TT-BYT ngày 21/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thí điểm về hoạt động y học gia đình.

*-* Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế - dân số, quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân. Phát huy năng lực của mạng lưới nhân viên y tế, cộng tác viên dân số thôn, bản, khu phố trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

- Xây dựng mới và sửa chữa lớn một số trạm y tế xã từ 2022-2026: Hướng Linh, Hải Ba, Trung Nam, thị trấn Cửa Tùng, Trung Hải, Trung Giang, Phong Bình, Thanh An, Húc Nghì (2022-WB), Vĩnh Khê, Vĩnh Thái, Cam Nghĩa, Phường 4, Phường 2, Phường Đông Thanh, Phường Đông Giang (2022-2026-vốn trung hạn), thị trấn Khe Sanh, Hướng Tân, thị trấn Cam Lộ, Cam Thủy (2023- dự kiến vốn Chương trình phục hồi kinh tế xã hội sau đại dịch); và sửa chữa lớn, nâng cấp để đạt diện tích cơ sở cho một số TYT khác.

2.4. Phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh, điều dưỡng ngoài công lập

Tạo điều kiện cho việc đầu tư các phòng khám, chữa bệnh; Bệnh viện chuyên khoa, đa khoa, Bệnh viện chất lượng cao; cơ sở chăm sóc sức khỏe ngoài công lập; công ty cung ứng thuốc, nhà thuốc, vật tư hóa chất phù hợp với quy hoạch phát triển chung của tỉnh. Khuyến khích đầu tư phát triển cơ sở dịch vụ vận chuyển cấp cứu bệnh nhân; phát triển các mô hình hoạt động chăm sóc sức khỏe không vì lợi nhuận góp phần tích cực trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

3. Dân số và phát triển

- Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu: Giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh. Triển khai đồng bộ Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp giữa các vùng, các nhóm đối tượng; Chương trình truyền thông dân số, Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; Chương trình củng cố, phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số và Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Giữ ổn định mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển các cấp; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, địa phương từ tỉnh đến cơ sở nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các ngành, địa phương có liên quan đến lĩnh vực dân số và phát triển; xây dựng và hoàn thiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn.

4. Đảm bảo cung ứng đủ cơ số thuốc, trang thiết bị y tế và công trình y tế

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu, vắc-xin, vật tư, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu cho nhu cầu khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc; thực hành phòng kiểm nghiệm thuốc; phát triển vùng nguyên liệu thuốc từ dược liệu phục vụ công nghiệp dược; phát triển mạng lưới dịch vụ nhà thuốc đến tận cơ sở, vùng sâu, vùng xa.

- Tăng cường quản lý công tác mua sắm, sử dụng, bảo dưỡng, kiểm định hiệu chuẩn trang thiết bị y tế, đảm bảo chất lượng, hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí. Tập trung triển khai và hoàn thành một số dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo danh mục đầu tư công của ngành y tế giai đoạn 2021 - 2026.

5. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, thông tin y tế, truyền thông

- Tăng cường nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ y tế. Từng bước hiện đại hóa kỹ thuật y tế, phát triển và ứng dụng công nghệ trong tư vấn, chẩn đoán, khám chữa bệnh và điều trị từ xa. Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động y tế.

- Tăng cường truyền thông về y tế bằng nhiều hình thức, tận dụng triệt để lợi thế của các trang thông tin điện tử, mạng xã hội để truyền thông

6. Phát triển nhân lực y tế

- Duy trì hoạt động thường xuyên của Trường Cao đẳng Y tế tỉnh để đảm bảo một phần nguồn cung nhân lực cho ngành y tế. Liên kết đào tạo với các trường đại học y tế trong nước, hợp tác với các trường đại học nước ngoài, các tổ chức quốc tế nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho tỉnh. Từng bước đầu tư xây dựng trường Cao đẳng Y tế thành trường trọng điểm chất lượng cao trong khu vực, tiến đến thành lập trường Đại học Kỹ thuật Y Dược vào năm 2030.

- Thực hiện hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2022 - 2026 theo các quy định của tỉnh. Xây dựng chính sách thu hút, đãi ngộ và cơ chế duy trì đội ngũ cán bộ y, bác sĩ tay nghề cao cho ngành y tế. Tiếp tục thực hiện chế độ luân phiên đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế.

7. Công tác y tế dự phòng

Chủ động phòng, chống dịch bệnh; phát hiện sớm, kịp thời kiểm soát không để dịch bệnh lớn xảy ra; ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng tại tỉnh; duy trì kết quả thanh toán bệnh phong, bại liệt và loại trừ sốt rét, uốn ván sơ sinh; giảm số mắc và chết do các bệnh truyền nhiễm. Triển khai hiệu quả các hoạt động đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu về y tế - dân số.

8. Tài chính và đầu tư

- Tăng cường chuyển dịch mức độ thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập từ nhóm III (đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên) lên nhóm II (đơn vị tự chủ chi thường xuyên).

- Tăng cường các giải pháp để quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm y tế tiết kiệm, hiệu quả; hạn chế tối đa tình trạng vượt dự toán chi khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và tình trạng lạm dụng thẻ bảo hiểm y tế, sử dụng dịch vụ quá mức cần thiết trong khám chữa bệnh.

- Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa y tế; đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, dịch vụ theo yêu cầu và đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật.

- Tranh thủ vận động từ các nguồn viện trợ nước ngoài để hỗ trợ triển khai các chương trình, dự án phát triển y tế, dân số.

- Về đầu tư giai đoạn 2022-2026:

\* Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa trang thiết bị y tế các Bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế từ nguồn vốn trung hạn đã được bố trí: Hoàn thành xây dựng Khoa Ung bướu, Khoa Tâm thần kinh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Xây dựng hoàn thành khẩn cấp khu điều trị bệnh truyền nhiễm nguy hiểm tại Bệnh viện Lao (2022); xây dựng mới các công trình: khoa Sản -Nhi tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Triệu Hải; Phòng tập phục hồi chức năng của BVYHCT&PHCN; Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm TTYT Vĩnh Linh (dự kiến xây dựng thành bệnh viện khu vực); Nâng cấp, cải tạo khu điều trị hiện có của TTYT Hướng Hóa (dự kiến xây dựng thành Bệnh viện khu vực) từ nguồn vốn trung hạn.

\* Đầu tư nâng cấp các khoa, phòng phục vụ điều trị còn thiếu hụt ở các trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố: Khu kỹ thuật - phẫu thuật TTYT Đông Hà; Khoa Y học cổ truyền TTYT Triệu Phong; Khu vận động trị liệu của TTYT Cam Lộ; Khoa Hồi sức cấp cứu của TTYT Gio Linh, Khoa xét nghiệm của TTYT ĐaKrông, Khoa Nội của TTYTH Hải Lăng (nguồn vốn trung hạn).

\* Đầu tư xây mới các khu nhà Khoa điều trị tích cực, Khoa Truyền nhiễm cho TTYT Hướng Hóa; Khoa Dược, Liên chuyên khoa và Khoa YHCT và PHCN cho TTYT ĐaKrông; xây mới Khoa Truyền nhiễm cho TTYT huyện Cam Lộ; Khoa Cấp cứu Hồi sức và Khoa Truyền nhiễm cho TTYT huyện Triệu Phong; xây mới khu nhà Khoa Ngoại tổng hợp cho TTYT Hải Lăng; xây mới Khoa Truyền nhiễm và Khoa Sản cho TTYT Gio Linh; xây mới Khoa Xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng cho TTYT thành phố Đông Hà; xây mới Khao Lão học và khu nhà Điều hành của TTYT Vĩnh Linh dự kiến bố trí từ nguồn vốn Chương trình phục hồi kinh tế xã hội sau đại dịch.

\* Ngoài ra, tiếp tục bố trí kinh phí để hỗ trợ các đơn vị sửa chữa lớn các công trình bị xuống cấp, ẩm mốc, thấm dột, đặc biệt nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh của các đơn vị điều trị từ ngân sách trung ương và địa phương.

\* Xây dựng mới bệnh viện Y Dược học cổ truyền dân tộc tại thành phố Đông Hà.

- Đầu tư giai đoạn 2025-2030:

\* Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh (sau khi chia tách khỏi TTYT huyện Vĩnh Linh) thành Bệnh viện Đa khoa hạng 1 tuyến tỉnh.

\* Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa khu vực Hướng Hóa (sau khi chia tách khỏi TTYT huyện Hướng Hóa) thành Bệnh viện hạng 2 tuyến tỉnh.

\* Đầu tư xây dựng mới bệnh viện y dược học cổ truyền dân tộc trong giai đoạn 2025-2030

9. Kinh phí thực hiện Đề án Phát triển sự nghiệp y tế, dân số trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030 có kế hoạch phân bổ: **986.630** **triệu đồng** bao gồm các nội dung sau:

- Kinh phí về tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực: 86.888 triệu đồng;

- Kinh phí về xây mới sửa chữa cải tạo, nâng cấp, bảo trì cơ sở hạ tầng các công trình y tế: 552.518 triệu đồng;

**Trong đó:**

**+ Kinh phí chi đầu tư phát triển:** 477.518 đồng

**+ Kinh phí chi thường xuyên:** Phục vụ duy tu bảo trì, sửa chữa các hạng mục công trình y tế 75.000 đồng

- Kinh phí đầu tư trang thiết bị: 347.224 triệu đồng

**Trong đó:**

**- Kinh phí chi đầu tư phát triển:** 245.224 đồng

**- Kinh phí chi thường xuyên:** 102.000 đồng

10. Nguồn vốn thực hiện:Nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn năm 2021-2026 của Trung ương và địa phương; nguồn vốn ODA; nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; nguồn Ngân sách sự nghiệp ngành y tế.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban Nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân và đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBTVQH, Chính phủ;  - Vụ Pháp chế các Bộ: KHĐT, TC, Y Tế;  - TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - VP: Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;  - Các Sở: Y tế, KHĐT, TC, TNMT, Tư pháp;  - HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Báo QT, Đài PT-TH tỉnh;  - Trung tâm TH - CB tỉnh;  - Lưu: VT, | **CHỦ TỊCH**      **Nguyễn Đăng Quang** |

**Phụ lục I**

**BIỂU CHỈ TIÊU NGÀNH Y TẾ GIAI ĐOẠN 2022-2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CÁC CHỈ TIÊU** | 2020 | 2025 | 2030 |
| **Chỉ tiêu đầu vào** |  |  |  |
| Số bác sĩ/vạn dân | 10 | 11 | 12 |
| Số dược sĩ đại học/vạn dân | 1,25 | 2 | 2,5 |
| Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân | 30 | 35 | 37 |
| Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc(%) | 89,6 | 100 | 100 |
| Tỷ lệ trạm y tế có NHS (TH, CĐ, CN) làm việc(%) | 100 | 100 | 100 |
| Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế (%) | 100 | 100 | 100 |
| **Chỉ tiêu hoạt động** |  |  |  |
| Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi TCĐĐ (%) | >98 | ≥ 98 | ≥ 98 |
| Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí QG về y tế (%) | 99,2 | 100 | 100 |
| Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (%) | 95,5 | > 98 | 100 |
| Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được xử lý (%) | 100 | 100 | 100 |
| **Chỉ tiêu đầu ra** |  |  |  |
| Tuổi thọ trung bình | 68,5 | 70 | 71 |
| Tỷ số chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống | < 25 | 20 | < 20 |
| Tỷ suất chết trẻ em < 1 tuổi (‰) | 1,9 | < 5,95 | < 5,95 |
| Tỷ suất chết trẻ em < 5 tuổi (‰) | <13 | 7,59 | < 7,59 |
| Quy mô dân số | 637.500 | 552.000 | 700.000 |
| Tổng tỷ suất sinh  *(số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ )* | 2,42 con | 2,1 con  (Đạt mức sinh thay thế) | Duy trì vững chắc mức sinh thay thế 2,1 con |
| Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên (%) | < 1 | < 1 | < 1 |
| Tỷ số giới tính khi sinh (trai/100 gái) | <115 | <112,5 | <109 |
| Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi S D D thể nhẹ cân (%) | 13,6 | 13.1 | 12,5 |
| Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS (%) | < 0,05 | < 0,05 | < 0,05 |